

A. CƠ SỞ LÝ LUẬN.

Sau nhiều năm đổi mới, nền kinh tế-xã hội của Việt Nam có những bước chuyển đáng kể với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngày càng hội nhập với xu thế phát triển chung của thế giới. Đất nước ta tham gia vào quan hệ quốc tế bằng việc đưa ý chí của mình vào các thỏa thuận, ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế. Bên cạnh đó, pháp luật quốc tế đã và đang có tác động không nhỏ vào quá trình hoàn thiện và phát triển hệ thống pháp luật của nước ta.

B. NỘI DUNG.

I. Cơ sở lý luận.

1. Khái niệm luật quốc tế và pháp luật quốc gia.

1.1. Pháp luật quốc tế.

Pháp luật quốc tế là hệ thống những nguyên tắc, quy phạm pháp luật được các quốc gia và các chủ thể khác tham gia quan hệ quốc tế xây dựng trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, thông qua đấu tranh và thương lượng, nhằm điều chỉnh mối quan hệ nhiều mặt (chủ yếu là quan hệ chính trị) giữa các chủ thể của pháp luật quốc tế với nhau (trước tiên và chủ yếu là giữa các quốc gia) và trong trường hợp cần thiết, được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế riêng lẻ hoặc tập thể do chính các chủ thể của luật pháp quốc tế thi hành và bằng sức đấu tranh của nhân dân và dư luận tiến bộ trên thế giới.

1.2. Pháp luật quốc gia.

Pháp luật quốc gia là hệ thống các quy phạm pháp lý, thành văn hoặc không thành văn do nhà nước đặt ra hoặc công nhận nhằm điều chỉnh quan hệ pháp lý giữa các chủ thể của pháp luật và về nguyên tắc những quan hệ đó phát sinh trong lãnh thổ hoặc quyền tài phán của quốc gia đó. Pháp luật

trong nước có hiệu lực trực tiếp trên lãnh thổ của quốc gia ban hành ra nó.
(TS. Lê Mai Anh).

2. Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế và luật quốc gia.

2.1. Lịch sử hình thành quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia.

Mối quan hệ giữa các quốc gia được hình thành và phát triển cùng với sự xuất hiện của các quốc gia độc lập qua các giai đoạn lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Ngay từ thời chiếm hữu nô lệ đã xuất hiện những nguyên tắc, quy phạm điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia. Tuy nhiên, do trình độ sản xuất thấp kém, chưa hình thành thị trường chung thế giới nên các nguyên tắc, quy phạm pháp luật quốc tế còn rất thô sơ, chỉ áp dụng để điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực.

Bước sang thời kỳ phong kiến, cùng với sự phát triển của chế độ phong kiến, quan hệ giữa các quốc gia phong kiến ngày càng được mở rộng trên nhiều lĩnh vực như. Từ đây pháp luật quốc tế có sự phát triển vượt bậc với sự gia tăng của quy phạm tập quán về biển, hình thành cơ quan ngoại giao, lãnh sự của một số quốc gia trên lãnh thổ của quốc gia khác và sử dụng phổ biến điều ước quốc tế như một công cụ để giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia.

Thời kỳ tư bản chủ nghĩa đã đánh dấu sự phát triển vượt bậc của các quan hệ quốc tế. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia ngày càng chặt chẽ mà biểu hiện cụ thể đó là sự xuất hiện và được thừa nhận rộng rãi của những nguyên tắc, quy phạm tiên bộ: nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia, nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.... Những nguyên tắc này dần trở thành những nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế. Nhưng những nội dung tiên bộ của

pháp luật quốc tế thời kỳ này chỉ mang tính hình thức vì nó chỉ là công cụ để giai cấp tư sản bảo vệ lợi ích của mình trên trường quốc tế.

Pháp luật quốc tế chỉ thực sự có bước ngoặt đáng kể sau thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga đánh dấu sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và tiếp theo là sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Pháp luật quốc tế thời kỳ này có sự biến đổi về chất với những nội dung dân chủ, tiến bộ. Pháp luật quốc tế vẫn tồn tại và phát triển trong mối quan hệ biện chứng với pháp luật quốc gia.

Trải qua các giai đoạn phát triển, mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia luôn chặt chẽ và từng bước phát triển ngày càng hoàn thiện.

2.2. Nội dung mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia.

Pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia có mối quan hệ biện chứng, xuất phát từ lợi ích chung của quốc gia, dân tộc và cộng đồng quốc tế. Sự tác động qua lại giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia được thể hiện ở hai khía cạnh:

- Pháp luật quốc gia ảnh hưởng quyết định tới sự hình thành và phát triển của pháp luật quốc tế.

Sự hình thành các nguyên tắc và quy phạm pháp luật quốc tế cũng như nội dung của chúng hoàn toàn tùy thuộc vào sự thỏa thuận giữa các quốc gia. Quan điểm của mỗi quốc gia trong quá trình thỏa thuận đó phải dựa trên cơ sở những nguyên tắc và quy phạm nền tảng của chính pháp luật quốc gia. Pháp luật quốc gia thể hiện sự định hướng về nội dung, tính chất của pháp luật quốc tế. Mọi sự thay đổi và phát triển tiến bộ của pháp luật quốc gia đều tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc tế.

- Pháp luật quốc tế có tác động tích cực nhằm phát triển và hoàn thiện pháp luật quốc gia.

Tính chất tác động của luật quốc tế đối với luật quốc gia được đánh giá bằng thực tiễn thực thi nghĩa vụ thành viên điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế của quốc gia, thể hiện ở những hoạt động cụ thể khác nhau trong đó có hành vi sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của luật quốc gia sao cho phù hợp với những cam kết quốc gia đó đã ký kết hoặc tham gia. Chính vì thế, các quy định có nội dung tiến bộ thể hiện thành tựu mới của khoa học pháp lý quốc tế sẽ dần được chuyển tải vào văn bản quy phạm pháp luật quốc gia. Điều đó sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của pháp luật quốc gia để quốc gia vừa có thể hội nhập vào nền tảng pháp lý chung vừa có thể thiết lập được một hệ thống pháp luật quốc gia hoàn chỉnh. Bên cạnh đó, luật quốc tế còn tác động đến luật quốc gia thông qua vai trò của hệ thống này đối với đời sống pháp lý tại mỗi quốc gia, phản ánh tương quan giữa hai hệ thống khi điều chỉnh những vấn đề thuộc lợi ích phát triển và hợp tác quốc tế của quốc gia.

II. Tác động của Luật quốc tế tới quá trình hoàn thiện và phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam.

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập nền kinh tế quốc tế với xu hướng Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các quốc gia trên thế giới. Nhận thức được vai trò quan trọng của điều ước quốc tế, năm 2001 Việt Nam gia nhập Công ước viên 1969 về điều ước quốc tế, chính thức hòa mình vào sân chơi chung của cộng đồng quốc tế. Tính đến năm 2008, Việt Nam đã ký kết tổng cộng 167 điều ước quốc tế, tiêu biểu nhất là hàng loạt các văn kiện gia nhập WTO và việc phê chuẩn Hiến chương ASEAN. Điều này đã thúc đẩy một cách tích cực sự phát triển của nền kinh tế xã hội nước ta trong quá trình hội nhập. Tuy nhiên, việc tham gia vào thị trường thế giới chung đòi hỏi

Việt Nam phải có những thay đổi trong quy định của pháp luật trong nước để phù hợp với những nội dung của điều ước Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Đặc biệt trong những năm trở lại đây do tác động của Luật quốc tế, nước ta đã và đang tích cực điều chỉnh hệ thống pháp luật phù hợp với pháp luật quốc tế. Hệ thống pháp luật trong nước ngày càng được hoàn thiện và có nội dung tiến bộ khuyến khích, thu hút sự quan tâm hợp tác của bạn bè thế giới.

1. Trong lĩnh vực thương mại.

Trước năm 1986, quan hệ buôn bán của Việt Nam chủ yếu được duy trì với Liên Xô và các nước Đông Âu. Sau đổi mới, chúng ta đã mở cửa thị trường, chính thức hòa mình vào nền kinh tế quốc tế. Năm 2007, Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO. Để thích ứng với một môi trường hội nhập mới, chúng ta đã rất nỗ lực trong việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật. Quá trình hoàn thiện pháp luật của nước ta được thực hiện ngay từ khi chưa là thành viên của WTO và đạt được những thành quả đáng khích lệ. Đó là sự ra đời của Bộ luật Dân sự 2005 cùng với các văn bản pháp luật quan trọng như Luật Doanh nghiệp 2005, Bộ luật hàng hải, luật hàng không dân dụng Việt Nam, Luật cạnh tranh 2004, Luật đất đai, Luật hải quan, Bộ luật lao động....

Đặc biệt Việt Nam đã soạn thảo và ban hành từ năm 2002 những văn bản pháp luật đầu tiên điều chỉnh trực tiếp thương mại quốc tế như pháp lệnh về đối xử tối huệ quốc và đối xử quốc gia trong thương mại quốc tế và pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam. Các văn bản luật khác như pháp lệnh về chống bán phá giá, pháp lệnh về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam cũng được thông qua trong năm 2004.

2. Trong lĩnh vực đầu tư.

Để tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi, một môi trường đầu tư hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã ban hành Luật đầu tư nước ngoài. Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp được coi là một bước cải cách mạnh mẽ về môi trường đầu tư của Việt Nam. Luật đầu tư được xây dựng trong bối cảnh Việt Nam gấp rút đàm phán gia nhập WTO nên luật ra đời không bị lạc hậu, tương thích với những quy định và cam kết khi Việt Nam gia nhập WTO. Thay thế Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài năm 2000 và Luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1998, Luật đầu tư nước ngoài năm 2005 ra đời là cơ sở đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, Luật doanh nghiệp năm 2005 cũng đáp ứng được yêu cầu đối xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

3. Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Việt Nam nộp đơn gia nhập WTO năm 1995, vào thời điểm này hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ vận hành chủ yếu trên cơ sở các văn bản dưới luật Đối chiếu với Hiệp định thương mại TRIPS liên quan đến sở hữu trí tuệ, hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam còn nhiều điểm chưa phù hợp. Đó chưa phải là một hệ thống đầy đủ và có hiệu quả. Một loạt đối tượng được bảo hộ trong TRIPS chưa được bảo hộ tại Việt Nam: thông tin bí mật, chỉ dẫn địa lý, thiết kế, bố trí mạch tích hợp.... Ngay cả những đối tượng được bảo hộ cũng còn nhiều bất cập: thời hạn bảo hộ sáng chế, chưa có cơ chế bảo hộ nhãn hiệu cho các hãng nổi tiếng.... Bước khởi đầu có ý nghĩa quan trọng là việc ban hành Bộ luật dân sự 1995 phần VI về quyền sở hữu trí tuệ và quyền chuyển giao công nghệ gồm 61 điều luật. Bên cạnh đó Chính phủ cũng ban hành nhiều văn bản như Nghị định số 63/CP (24/10/1996),

Nghị định số 54/2000/NĐ-CP, Nghị định số 13/2001/NĐ-CP, Nghị định số 76/CP... hoàn thiện về nội dung và đối tượng bảo hộ của luật sở hữu trí tuệ. Bộ luật dân sự 2005 ra đời, trong đó có phần thứ VI quy định các nội dung liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ có phần thu gọn hơn và chỉ bao gồm các quy định có tính chất gốc để điều chỉnh các quan hệ dân sự liên quan đến tài sản trí tuệ so với Bộ luật dân sự 1995. Ngày 29/11/2005, Quốc hội thông qua luật sở hữu trí tuệ.

4. Lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt với con người cũng như sự phát triển của từng quốc gia và cộng đồng quốc tế. Nhận thức được tầm quan trọng này, Việt Nam đã tích cực tham gia gần 20 công ước đa phương về bảo vệ môi trường hoặc liên quan đến môi trường. Việt Nam đã tiến hành chuyển hóa những nội dung này vào pháp luật Việt Nam trong các văn bản quy phạm pháp luật: Bộ luật hàng hải, Luật đất đai, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Pháp lệnh về đê điều, Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản, Pháp lệnh về kiểm dịch thực vật...

5. Trong lĩnh vực ngoại giao lãnh sự.

Việt Nam đã gia nhập một số điều ước đa phương trong lĩnh vực ngoại giao lãnh sự như: Công ước viên 1961 về ngoại giao, Công ước viên 1963 về quan hệ lãnh sự... cũng như nhiều hiệp định lãnh sự với các nước. Để điều chỉnh pháp luật trong nước phù hợp với những quy định này, Việt Nam đã ban hành pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam 1993 và quy định trong các văn bản quy phạm quốc gia như Pháp lệnh hải quan, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự....

C. KẾT LUẬN.

Như đã phân tích ở trên, ta có thể thấy pháp luật quốc tế có tác động không nhỏ trong quá trình hoàn thiện và phát triển của hệ thống pháp luật nước ta. Điều này được thể hiện thông qua việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp luật mới để phù hợp với các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Chính việc hoàn thiện pháp luật quốc gia là tiền đề để Việt Nam ngày càng phát triển hơn trong tất cả các lĩnh vực. Đồng thời mở ra cơ hội cho để nước ta thiết lập quan hệ với các quốc gia trên thế giới, hội nhập sâu rộng hơn với nền kinh tế quốc tế.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

DANH SÁCH TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Giáo trình Luật quốc tế, Trường ĐH Luật Hà Nội, Nxb CAND, 2004.
2. Khóa luận tốt nghiệp Mỗi quan hệ giữa điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia, Đường Thị Thùy Chi, Hà Nội 2010.
3. Mỗi quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia – một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nguyễn Thị Kim Ngân, Hà Nội.
4. Vấn đề giữa quan hệ quốc tế và pháp luật quốc gia trong pháp luật và thực tiễn của Việt Nam, Đoàn Năng, Tạp chí nhà nước và pháp luật, 1998.
5. Một số ý kiến về mỗi quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, Đoàn Năng, Tạp chí nhà nước và pháp luật, 1997.